

Bản án số: 98/2024/HS-PT

Ngày: 27-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Trịnh Xuân Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khả Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Đặng Hải Đ** và **Đặng Văn L**, do có kháng cáo của bị hại **Dương Thị Cẩm N** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Hải Đ**, sinh ngày 30/7/1992, tại tỉnh Cà Mau; Nơi thường trú: **Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thu H**; vợ: **Nguyễn Thị Cẩm V** và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; (Bị cáo tại ngoại, có mặt).

2. Họ và tên: **Đặng Văn L**, sinh ngày 27/12/1964, tại tỉnh Cà Mau; Nơi thường trú: **Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Văn S** (Bên) và bà **Trần Thị C**; vợ: **Nguyễn Thu H** và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; (Bị cáo tại ngoại, có mặt).

- Bị hại: Bà **Dương Thị Cẩm N**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: **ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Dân Q**, sinh năm 1980. Địa chỉ **khóm B, phường B thành phố C, tỉnh Cà Mau** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2023, **Đặng Hải Đ** đến làm thuê cho **Dương Thị Cẩm N** là chủ vừa mực ở tại **ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau**. Khoảng 05 giờ ngày 23/11/ 2023, **Đặng Hải Đ** điều khiển chiếc xe kéo đến **V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau** để chở mực tươi do chị **N** mua để đưa về vừa. Thấy vậy, **Đặng Hải Đ** điện thoại cho **Đặng Văn L** là cha ruột đến điểm hẹn lấy mực do **Đ** lấy trộm của chị **N** đem về bán lấy tiền tiêu xài thì **Đặng Văn L** đồng ý.

Sau khi cân mực xong, trong quá trình đưa mực lên đồ vào phi thì **Đặng Hải Đ** lấy trộm nhiều loại mực bầu, mực ống, mực gai bỏ vào bọc nilon rồi buộc miệng lại để chung trong phi nhựa đựng mực của chị **N**. Trên đường về, **Đặng Hải Đ** lấy 02 bọc mực lấy trộm được của chị **N** bỏ xuống lề đường để biên ngay điểm hẹn trước đó rồi điện thoại cho **Đặng Văn L** đến nhận. Khi **Đặng Văn L** nhận mực xong bỏ vào vỏ nhựa màu xanh và điều khiển xe về thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Tài sản thu giữ gồm 02 bịch mực tươi có trọng lượng là 14,158 kg, trong đó mực ống 12, 385kg, mực bầu 1,5 kg; mực gai 0,3kg cùng 01 chiếc xe biển kiểm soát 69AD-00531, 01 giỏ đan dây nhựa màu xanh, 01 điện thoại Redmi Note 11 màu đen và 01 điện thoại Nokia màu xanh.

Kết quả định giá số: 588/KLĐG ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá huyện **Trần Văn T** kết luận: Mực ống tươi loại 06cm trở lên 240.000 đồng/kg x 12,385kg = 2.972.000 đồng. Mực bầu tươi giá 80.000 đồng /kg x 1,5kg = 120.000 đồng. Mực gai tươi 120.000đồng/kg x 0,3kg = 36.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.128.400 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đặng Hải Đ** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Đặng Hải Đ** cho Ủy ban nhân dân xã **P, huyện C, tỉnh Cà Mau** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo **Đặng Hải Đ** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã **P, huyện C, tỉnh Cà Mau** trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn L** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Đặng Văn L** cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo **Đặng Văn L** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Đặng Văn L**.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 15/8/2024, bị hại **Dương Thị Cẩm N** kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo; nếu không tăng nặng đề nghị hủy án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị hại ông **Trần Dân Q** vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

+ Về tố tụng: Đại diện bị hại ông **Trần Dân Q** vắng mặt không lý do; bà **Dương Thị Cẩm N** đã ủy quyền cho ông **Q**, nhưng bà **N** có đơn xin hoãn phiên tòa, với lý do cần thu thập chứng cứ và yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp. Đây không phải là những căn cứ hoãn phiên tòa.

+ Do đó, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Dương Thị Cẩm N**, không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đặng Hải Đ**, không cho bị cáo **Đặng Hải Đ** hưởng án treo, chuyển 06 tháng tù treo thành 06 tháng tù giam; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo **Đặng Văn L**; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần hình phạt đối với bị cáo **Đặng Hải Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đại diện bị hại ông **Trần Dân Q** vắng mặt không lý do, không phải là căn cứ để hoãn phiên tòa theo Điều 297 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh: Vào ngày 23/11/2023 bị cáo **Đặng Hải Đ** và bị cáo **Đặng Văn L** có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị **Dương Thị Cẩm N** loại mực ống tươi, mực bầu tươi và mực gai tươi, theo kết luận định giá là 3.128.400 đồng. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện hoàn thành. Lời khai của bị 02 cáo phù hợp với lời khai đã khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm và tài sản bị chiếm đoạt. Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị hại **Dương Thị Cẩm N** đề nghị tăng nặng hình phạt đối với 02 bị cáo hoặc hủy án sơ thẩm, với lý do rằng án sơ thẩm xử nhẹ, 02 bị cáo đã có nhiều lần trộm tài sản trước đó của bị hại nhưng chưa điều tra. Thấy rằng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, vi phạm pháp luật hình sự cần phải được xử lý. Khi lượng hình án sơ thẩm có xem xét đến các tình tiết 02 bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, 02 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số mực đã tịch thu giao trả cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo Đ là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ, có ông ngoại Nguyễn Văn D là Liệt sỹ, ông nội Đặng Văn S có công với cách mạng (ông D và ông S là cha vợ của bị cáo L); bị cáo L là người cao tuổi bị bệnh tim, đời sống phụ thuộc vào bị cáo Đ. Từ đó, án sơ thẩm áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 65, 36 của Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Đ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo L 09 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ. Về số tài sản 02 bị cáo trộm thuộc trường hợp “phạm tội gây thiệt hại không lớn”, án sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho 02 bị cáo.

[3.1] Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo Đ còn khai nhận các lần trộm mực trước đó chủ yếu về cho gia đình dùng chung (cơ quan điều tra đã điều tra nhưng không xác định được số lượng); bị cáo Đ trộm mực thì gia đình không biết và bị cáo Đ cũng tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng cho bị hại, điều đó cho thấy thái độ cải sửa, khắc phục hậu quả, ăn năn của bị cáo. Xét thấy, không thật thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, nhưng vẫn cải tạo, giáo dục được các bị cáo. Từ đó, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt hoặc hủy án của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3.2] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần hình phạt đối với bị cáo Đặng Hải Đ (chuyển 06 tháng tù treo thành 06 tháng tù giam); Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn L. Đối với đề nghị giữ y phần hình phạt của bị cáo L là phù hợp.

[4] Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Hải Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn L.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Dương Thị Cẩm N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau về hình phạt.

Xử phạt bị cáo Đặng Hải Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Đặng Hải Đ** cho **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo **Đặng Hải Đ** có trách nhiệm phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau** trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn L** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Đặng Văn L** cho **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau** để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo **Đặng Văn L** có trách nhiệm phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau** trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Đặng Văn L**.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Đặng Hải Đ** và **Đặng Văn L** không phải chịu.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Út